

Thực tiễn phân định biển giữa Việt Nam với các nước láng giềng

Phan Thị Thanh Tâm*

Nhận ngày 22 tháng 3 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 18 tháng 6 năm 2024.

Tóm tắt: Nhằm duy trì hòa bình và an ninh trật tự ở khu vực Biển Đông, trong những năm qua Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong quá trình phân định biển với các quốc gia liên quan. Kết quả đàm phán giải quyết đã giúp từng bước xác định rõ phạm vi và chế độ pháp lý của các vùng biển của Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng, khai thác và quản lý, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị với các quốc gia láng giềng, giảm nguy cơ xung đột, giữ gìn hoà bình và ổn định trên vùng biển chung. Bài viết phân tích quá trình phân định biển giữa Việt Nam với các quốc gia hữu quan trong khu vực Biển Đông trên nền tảng luật pháp quốc tế và thông qua sự đàm phán, thỏa thuận của các bên, từ đó đúc rút những bài học kinh nghiệm bổ ích giải quyết những vấn đề còn tồn tại giữa Việt Nam với các nước trong khu vực.

Từ khoá: Phân định biển, Luật Biển quốc tế, Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: In order to maintain peace and security in Biển Đông (the East Sea - also known as the South China Sea), Vietnam has made numerous efforts in the process of delineation of maritime boundaries between adjacent state over the years. The results of the negotiation process have gradually clarified the scope and legal regime of Vietnam's maritime zones, which have made favorable conditions for their use, exploitation and management. These contribute to the socio-economic development of Vietnam and enhance friendly cooperation with neighboring countries, reduce the risk of conflict and preserve peace and stability in the shared maritime zone. This article analyzes the maritime delineation process between Vietnam and adjacent countries in Biển Đông based on the international law and through negotiation and agreements among the involved parties. It aims to draw valuable lessons to resolve remaining issues between Vietnam and other countries in the region.

Keywords: Maritime delineation, the international law of the sea, the United Nations Convention on the Law of the Sea of 1982.

Subject classification: Jurisprudence

1. Mở đầu

Việt Nam là quốc gia biển, biển đảo có vị trí chiến lược trọng yếu trên các phương diện quốc phòng, kinh tế, hợp tác quốc tế. Với diện tích vùng biển rộng, trải dài theo chiều dài của lục địa, bao gồm gần một triệu km² vùng thềm lục địa, có hàng nghìn đảo lớn nhỏ phân bố khắp trên biển từ Bắc vào Nam, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm giữa Biển Đông. Vùng biển đảo Việt Nam được xem là địa bàn chiến lược trọng yếu đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (Nguyễn Thanh Minh, 2023).

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã chủ động, tích cực giải quyết từng bước những tồn tại trên biển với các nước liên quan nhằm thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác, góp phần

* Trường Đại học Cảnh sát nhân dân.
Email: Thanhthaminh74@gmail.com

củng cố hoà bình, an ninh khu vực, đồng thời tăng cường tiềm lực của đất nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việt Nam đã ký nhiều văn bản với các nước liên quan đến biển, đảo và đã xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia về biển tạo khuôn khổ pháp lý cho các hoạt động khai thác, quản lý và bảo tồn các nguồn tài nguyên biển phù hợp với Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982¹ (UNCLOS 1982).

Là quốc gia biển nên vấn đề an ninh biển có tầm quan trọng đặc biệt đối với Việt Nam, tác động lớn đến phát triển kinh tế biển và bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường hòa bình của đất nước. Tuy nhiên, hiện nay tình hình tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, nhất là tranh chấp ở Biển Đông hiện đang tồn tại một số vấn đề lớn liên quan đến chủ quyền biển, đảo Việt Nam chưa được giải quyết. Đại hội XIII của Đảng xác định: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển...”.

2. Nhận thức chung về phân định biển

Về phương diện pháp lý, phân định biển là hành vi pháp lý do các quốc gia kề nhau hoặc đối diện nhau thoả thuận thực hiện, có thể trực tiếp hoặc thông qua bên thứ ba (Toà án quốc tế hoặc Trọng tài quốc tế), phù hợp với luật quốc tế nhằm xác định quốc gia trên biển, hoặc đường phân định biển để phân chia các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia (Ngô Hữu Phước, 2020: 238).

Theo Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982, cơ sở pháp lý cho phân định biển là Điều 15 về phân định lãnh hải, Khoản 1 - Điều 74 về phân định vùng đặc quyền kinh tế và Khoản 1 - Điều 83 về phân định thềm lục địa. Điều 15 yêu cầu các quốc gia áp dụng phương pháp đường trung tuyến/hoàn cảnh đặc biệt để phân định nếu không đạt được thoả thuận. Khoản 1 - Điều 74 và Khoản 1 - Điều 83 về cơ bản quy định giống nhau, cụ thể, các quốc gia sẽ tiến hành phân định biển bằng một thoả thuận trên cơ sở luật pháp quốc tế nhằm đạt được một giải pháp công bằng. Hai điều khoản trên không quy định cụ thể phương pháp, mà chỉ đặt ra một yêu cầu duy nhất là kết quả phân định phải công bằng.

Phân định biển giữa các quốc gia có vùng biển kề cận hoặc đối diện nhau là nhằm tạo ra đường biên giới trên biển rõ ràng, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển các lĩnh vực kinh tế biển.

Phân định biển là hành vi pháp lý quốc tế có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của quốc gia khác, vì vậy, hoạt động này cần phải được điều chỉnh bởi các nguyên tắc và quy phạm pháp luật do chính các quốc gia đàm phán, thoả thuận xây dựng nên hoặc thông qua cơ quan tài phán quốc tế nhằm phân định các vùng biển chồng lấn về danh nghĩa pháp lý giữa hai hay nhiều quốc gia. Mục đích của quá trình phân định biển là áp dụng các quy định của luật quốc tế để thiết lập một đường ranh giới quốc tế phân chia vùng biển chồng lấn giữa các quốc gia liên quan.

Quá trình phân định biển các quốc gia hữu quan thường thoả thuận áp dụng các phương pháp phân định biển như sau:

Phương pháp đường trung tuyến và phương pháp đường cách đều: Hai phương pháp này áp dụng trong trường hợp các quốc gia có bờ biển tiếp liền hoặc đối diện nhau. Theo phương pháp này, đường ranh giới để phân định biển chính là đường mà tất cả các điểm nằm trên

¹ Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển chính thức ký kết vào ngày 10/12/1982 tại Montego Bay, Jamaica, có hiệu lực từ ngày 16/11/1994, bao gồm 17 phần, 320 điều khoản.

đường đó cách đều các điểm gần nhất của đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của các quốc gia. Phương pháp đường trung tuyến cách đều thường được áp dụng để phân định lãnh hải.

Phương pháp công bằng: Theo phương pháp này, trong quá trình phân định biển các bên hữu quan cần phải xem xét, cân nhắc các yếu tố cụ thể như: yếu tố hình dạng bờ biển, yếu tố đảo, yếu tố hàng hải... để từ đó tìm ra những giải pháp công bằng được các bên công nhận. Các giải pháp đó đương nhiên mang tính đặc thù và thích ứng với từng trường hợp phân định cụ thể.

3. Phân định biển giữa Việt Nam và các nước láng giềng

3.1. Phân định biển giữa Việt Nam và Trung Quốc

Vịnh Bắc Bộ là một trong những vịnh lớn ở Đông Nam Á và thế giới, có diện tích khoảng 126.250 km² (36.000 hải lý vuông), chiều ngang nơi rộng nhất khoảng 310 km (176 hải lý). Vịnh Bắc Bộ được bao bọc bởi bờ biển của hai nước Việt Nam và Trung Quốc, bao gồm bờ biển Đông Bắc Việt Nam, bờ biển phía Nam tỉnh Quảng Tây, bán đảo Lôi Châu và đảo Hải Nam của Trung Quốc (Theo baoquocte.vn 03/12/2021).

Vịnh Bắc Bộ có vị trí chiến lược quan trọng đối với Việt Nam và Trung Quốc cả về kinh tế lẫn quốc phòng - an ninh. Hai nước đều có nhu cầu đàm phán giải quyết phân định. Giữa hai nước đã có 3 lần đàm phán về Vịnh Bắc Bộ. Các cuộc đàm phán phân định Vịnh Bắc Bộ năm 1974 (ngày 15/8/1974, ngày 22/11/1974) và năm 1977-1978 (tháng 10/1977, tháng 6/1978) không đi đến kết quả vì lập trường hai bên cách xa nhau.

Sau khi Việt Nam và Trung Quốc bình thường hoá quan hệ năm 1991, hai nước đã ký “Thoả thuận về những nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề biên giới lãnh thổ giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà nhân dân Trung Hoa” vào ngày 19/10/1993. Việt Nam đã đề nghị lấy UNCLOS 1982 làm cơ sở pháp lý để phân định Vịnh Bắc Bộ. Việt Nam và Trung Quốc đều là thành viên của UNCLOS 1982 cho nên hai bên giải quyết các vấn đề liên quan đến Vịnh Bắc Bộ trên cơ sở quy định của Công ước.

Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Trung Quốc ngày 25/12/2000 đã thông qua những nội dung sau:

Một là, xác định phạm vi phân định Vịnh Bắc Bộ: Trong hiệp định này, Vịnh Bắc Bộ là vịnh nửa kín được bao bọc ở phía bắc là bờ biển lãnh thổ đất liền của hai nước Việt Nam và Trung Quốc, phía Đông là bờ biển bán đảo Lôi Châu và đảo Hải Nam của Trung Quốc, phía Tây là bờ biển đất liền Việt Nam và giới hạn phía Nam là đoạn đường thẳng nối liền từ điểm nhô ra nhất của mép ngoài cùng của mũi Oanh Ca đảo Hải Nam của Trung Quốc, có tọa độ địa lý 18°30'19" Bắc, 108°41'17" Đông, qua đảo Cồn Cỏ đến một điểm trên bờ biển của Việt Nam có tọa độ địa lý là 16°57'40" Bắc, 107°08'42" Đông.

Hai là, xác định đường đóng cửa sông Bắc Luân là đường nối hai điểm nhô ra nhất của cửa sông tự nhiên trên bờ sông hai nước, tại ngấn nước triều thấp nhất.

Ba là, hai bên đã thống nhất phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong vịnh Bắc Bộ được xác định 21 điểm có tọa độ địa lý xác định, nối tuần tự với nhau bằng các đoạn thẳng từ điểm 1 đến điểm 21. Đường phân định từ điểm số 1 đến điểm số 9 quy định tại Điều II của Hiệp định là biên giới phân định lãnh hải của hai nước trong Vịnh Bắc Bộ. Mặt thẳng đứng đi theo đường biên giới lãnh hải của hai nước phân định vùng trời,

đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của lãnh hải hai nước. Đường phân định từ điểm số 9 đến điểm số 21 là ranh giới giữa vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của hai nước trong Vịnh Bắc Bộ.

Hai bên đồng ý dành cho Bạch Long Vĩ hiệu lực 15 hải lý tính từ điểm nhô ra nhất của đảo về phía Đông và đảo Cồn Cỏ được tính 50% hiệu lực trong phân định vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

Bốn là, quá trình thực hiện Hiệp định nếu có tranh chấp xảy ra sẽ được giải quyết một cách hòa bình, hữu nghị thông qua thương lượng trên cơ sở nguyên tắc cơ bản của Luật Quốc tế. Việc phân định Vịnh Bắc Bộ hai nước theo hiệp định này không ảnh hưởng hoặc phương hại đến lập trường của mỗi bên đối với các quy phạm luật pháp quốc tế về luật biển. Đường phân định đã dành cho Việt Nam phần diện tích lớn hơn Trung Quốc khoảng 8.205 km² (tỷ lệ 53,23/46,77).

Ngày 4/7/2023, tại Thành phố Quảng Châu (tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc), Việt Nam và Trung Quốc đã tổ chức đàm phán vòng XVI Nhóm công tác về vùng biển ngoài cửa vịnh Bắc bộ và vòng XIII Nhóm công tác bàn bạc về hợp tác cùng phát triển trên biển. Hai nước nhất trí tôn trọng mỗi quan tâm hợp pháp, chính đáng của nhau, thực hiện nghiêm túc nhận thức chung quan trọng đạt được giữa lãnh đạo hai Đảng, hai nước và Thỏa thuận về những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển Việt Nam - Trung Quốc; hai bên đã bàn bạc về phân định vùng biển ngoài cửa vịnh Bắc bộ và hợp tác cùng phát triển trên biển, cố gắng sớm đạt được tiến triển thực chất theo tinh thần tuần tự tiệm tiến, dễ trước khó sau.

Như vậy, cho đến năm 2023, Việt Nam đã giải quyết được 2 trong 3 vấn đề biên giới trên bộ và biên giới trên biển với Trung Quốc đó là: hoàn thành việc cắm mốc biên giới trên bộ, phân định vùng lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa ở vịnh Bắc Bộ và hợp tác nghề cá ở vịnh Bắc Bộ, chỉ còn lại vấn đề đàm phán phân định biển khu vực ngoài cửa vịnh Bắc Bộ sẽ tiếp tục giải quyết.

3.2. Phân định biển giữa Việt Nam và Thái Lan

Thái Lan và Việt Nam là hai nước có bờ biển đối diện, đều có quyền mở rộng vùng biển của mình theo đúng quy định của UNCLOS 1982, do đó đã tạo ra một vùng chồng lấn rộng khoảng 6.074 km² (NT Theo tài liệu tuyên truyền pháp luật về biển - đảo, 2024). Vùng chồng lấn này được tạo ra bởi yêu sách của mỗi bên đã dựa vào vị trí của các đảo: quần đảo Thổ Chu nằm cách đảo Phú Quốc 55 hải lý, trong khi đó, các đá Ko Kra và Ko Losin của Thái Lan nằm cách bờ biển Thái Lan 26 và 37 hải lý tương ứng. Vùng biển chồng lấn giữa hai quốc gia nằm trong Vịnh Thái Lan là nơi có nhiều tài nguyên thiên nhiên bao gồm hải sản, dầu khí.

Trước khi đàm phán phân định, hai bên đã đơn phương tiến hành phân lô cấp đặc nhượng thăm dò, khai thác dầu khí theo yêu sách của mình, do đó đã tạo ra tình trạng tranh chấp phức tạp. Để giải quyết tranh chấp này, tháng 10/1991, Ủy ban hỗn hợp Việt Thái về hợp tác kinh tế, khoa học và kỹ thuật đã thông qua biên bản liên quan đến việc phân định ranh giới các vùng biển có liên quan giữa hai nước.

Sau chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Thái Lan tháng 3/1997, hai bên đã xúc tiến đàm phán phân định cả vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa có liên quan giữa hai nước.

Hiệp định về phân định ranh giới trên biển giữa Việt Nam và Thái Lan được Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Thái Lan ký ngày 9/8/1997 và chính thức có hiệu lực vào ngày 27/2/1998, gồm các nội dung chính sau:

Một là, Hiệp định được lập dựa trên cơ sở các quy định của luật pháp quốc tế, nhất là UNCLOS 1982, điều kiện tự nhiên cụ thể của khu vực biển liên quan (chiều dài hướng chung của đường bờ biển, hiệu lực của đảo, phương pháp vạch đường trung tuyến, lợi ích của các bên...).

Hai là, vùng chồng lấn trên biển: Việt Nam và Thái Lan là hai nước có bờ biển đối diện, cùng có quyền mở rộng vùng biển của mình, do đó đã tạo ra một vùng chồng lấn rộng khoảng 6.074 km² (Trung Anh, 2011).

Ba là, đường phân chia thêm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế giữa hai nước trong Vịnh Thái Lan thỏa thuận là một đường kéo dài từ điểm C (7° 49'0" B; 103° 02'30" Đ) tới điểm K (8° 46'54" B; 102° 12'11" Đ). Điểm C chính là điểm nhô ra nhất về phía Bắc của khu vực phát triển chung Thái Lan - Malaysia, được xác định rõ trong Bản ghi nhớ ngày 21-2-1979, và trùng với điểm 43 của đường yêu sách thêm lục địa của Malaysia năm 1979. Điểm K nằm trên đường thẳng cách đều Thổ Chu và Poulo Wai, đây là đường "dàn xếp tạm thời" Việt Nam - Campuchia năm 1991. Với kết quả này, Việt Nam được hưởng 1/3 diện tích và Thái Lan được hưởng 2/3 diện tích vùng chồng lấn.

Bốn là, vùng khai thác chung giữa Thái Lan và Malaysia có một khu vực liên quan tới Việt Nam thì Việt Nam và Thái Lan sẽ thỏa thuận cùng với Malaysia giải quyết thông qua đàm phán; trường hợp có một mỏ dầu hoặc khí tự nhiên hoặc mỏ khoáng sản nằm vắt ngang qua đường ranh giới giữa hai bên thì các bên sẽ thông báo cho nhau mọi thông tin liên quan và thỏa thuận sao cho các cấu trúc hoặc mỏ này được khai thác một cách hiệu quả nhất và chi phí cũng như lợi tức từ việc khai thác sẽ được phân chia một cách công bằng.

Hiệp định phân định ranh giới trên biển giữa Việt Nam và Thái Lan là hiệp định phân định biển đầu tiên đạt được trong vịnh Thái Lan. Đây cũng là hiệp định về phân định biển đầu tiên được ký kết tại khu vực Đông Nam Á sau khi UNCLOS 1982 có hiệu lực; Hiệp định cũng khẳng định xu thế phân định biển công bằng thông qua việc áp dụng phương pháp đường trung tuyến có điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn của hai nước (Nguyễn Thanh Minh, 2022).

Cùng với việc ký kết Hiệp định này, hai bên còn đạt được thỏa thuận về hợp tác an ninh trên biển và bảo vệ nguồn tài nguyên sinh vật trong vịnh thông qua việc tổ chức tuần tra chung giữa Hải quân Thái Lan và lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

3.3. Phân định biển giữa Việt Nam và Campuchia

Vùng biển Việt Nam - Campuchia nằm trong vịnh Thái Lan, là phần phía Tây của biển Đông, tạo thành một vùng lõm rộng trên bờ biển phía Nam của lục địa Đông Dương, trải dài từ vĩ tuyến 5° đến 14° Bắc và từ kinh tuyến 99° đến 105° Đông và kết thúc ở phía Bắc Đông Bắc ở mũi Cà Mau tại 8°36' Bắc - 102°21' Đông. Vùng biển Việt Nam - Campuchia là một biển nửa kín, với diện tích khoảng 300.000km², (Nguyễn Minh Ngọc, 2010) giới hạn bởi bờ biển của bốn nước Thái Lan, Việt Nam, Malaysia và Campuchia. Vịnh thông ra Biển Đông ở phía Nam bằng một cửa duy nhất hợp bởi mũi Cà Mau và mũi Trenggranu cách nhau chừng 400 km (215 hải lý). Vịnh khá dài (chừng 450 hải lý) nhưng có diện tích nhỏ, chiều rộng trung bình là 385 km (208 hải lý). Ngoài ra vịnh có khoảng 200 đảo, đảo nhỏ chủ yếu tập trung vào phần phía Đông và gần bờ biển. Đó là yếu tố làm phức tạp hóa không những việc phân định ranh giới các vùng biển giữa Việt Nam và Campuchia mà còn cả đối với việc phân định biển giữa một bên là Campuchia và Việt Nam với bên kia là Thái Lan (Phạm Thị Hồng Phượng, 2006: 69-76).

Việt Nam và Campuchia là hai quốc gia láng giềng kề cận nhau. Hai bên có vấn đề xác định rõ chủ quyền hải đảo và vạch đường biên giới lãnh hải, ranh giới vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa.

Từ những năm 1930, giữa chính quyền thuộc địa Nam Kỳ và chính quyền bảo hộ Campuchia đã nảy sinh tranh chấp gay gắt về quyền thu thuế đánh cá và quyền đặc nhượng khai thác tài nguyên ở các đảo ven bờ Campuchia nhưng thuộc Nam Kỳ.

Để tạm thời giải quyết vấn đề quản lý các đảo, và do không thể có đủ các thủ tục pháp lý để giải quyết việc phân định chủ quyền trên một số đảo giữa hai bên, năm 1939, Toàn quyền Đông Dương G. Brévié đã vạch một ranh giới mà lịch sử sau này gọi là đường Brévié. Các đảo ở phía Đông Nam vẫn thuộc quyền quản lý của Nam Kỳ, còn các đảo ở phía Tây Bắc trao toàn quyền hành chính và cảnh sát cho phía Campuchia,

Sau năm 1954, Campuchia và Chính quyền Việt Nam Cộng hòa đều cho rằng đường Brévié đã hết hiệu lực và bắt đầu tranh giành quyền kiểm soát lại các đảo.

Từ năm 1954 đến năm 1980, Campuchia liên tục có những hành động làm phức tạp thêm tình hình trên biển, như tiến hành bắt phạt và tịch thu ngư lưới của ngư dân Việt Nam với mục đích để thể hiện yêu sách chủ quyền của mình trên vùng biển có tranh chấp với Việt Nam.

Ngày 07/7/1982, hai nước đã ký Hiệp định về Vùng nước lịch sử giữa Việt Nam và Campuchia nhằm thiết lập một cơ chế quản lý chung. Hiệp định quy định lấy khu vực vùng nước lịch sử nằm giữa vùng biển hai nước và sẽ thương lượng vào thời gian thích hợp để hoạch định đường biên giới giữa hai nước. Đây là lần đầu tiên, hai nước thừa nhận chủ quyền của các bên đối với các đảo giữa hai nước.

Trong Hiệp ước về nguyên tắc giải quyết vấn đề biên giới giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Campuchia ngày 20/7/1983 (biengioilanhtho.gov.vn) gồm nhiều vấn đề, trong đó cốt lõi là thống nhất, thỏa thuận:

- Hiệp định đã nâng đường Brévié được vạch ra năm 1939 làm đường phân chia đảo trong vùng nước lịch sử, nhưng cũng xác nhận giữa hai nước chưa có đường biên giới biển chính thức do hai bên chưa ký được hiệp định phân định biển.

- Hiệp định cũng quy định hai nước đồng ý tạo ra một vùng nước lịch sử chung căn cứ vào điều kiện lịch sử, địa lý, kinh tế và quốc phòng của mỗi nước. Vùng nước lịch sử chung được giới hạn bởi các bờ biển Hà Tiên của Việt Nam và Kampot của Campuchia đảo Phú Quốc và các đảo khác ở ngoài khơi.

- Trên cơ sở Hiệp định, vùng nước lịch sử chung được đặt dưới chế độ vùng nước nội thủy và được quản lý chung về đánh cá, hai bên tiến hành tuần tra và kiểm soát trong khi chờ đợi việc giải quyết đường biên giới trên biển trong vùng nước lịch sử. Đây có thể coi là hình mẫu quản lý chung về đánh cá đầu tiên trong khu vực.

- Việc tuần tiễu, kiểm soát trong vùng nước lịch sử này sẽ do hai bên cùng tiến hành; việc đánh bắt hải sản của nhân dân địa phương trong vùng này vẫn theo tập quán làm ăn từ trước đến nay. Đối với việc khai thác tài nguyên: dầu khí, khoáng sản, băng cháy,... trong vùng nước lịch sử sẽ do hai bên cùng thỏa thuận; khi chưa có thỏa thuận, không bên nào được đơn phương tiến hành. Thỏa thuận sẽ thương lượng vào thời gian thích hợp trên cơ sở bình đẳng, hữu nghị, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau để hoạch định biên giới biển giữa hai nước trong vùng nước lịch sử.

Tháng 3/1999, tại cuộc họp vòng 1 của Ủy ban liên hợp, phái đoàn của Việt Nam đã đưa ra sơ đồ đường trung tuyến trong vùng nước lịch sử để hai bên lấy đường này làm cơ sở đàm phán phân định, điều chỉnh làm đường phân định biên giới trên biển giữa hai nước.

Tuy vậy, đến tháng 8/1999, tại vòng 2 của cuộc họp Ủy ban liên hợp, về phía Campuchia vẫn chưa nhất trí về đường trung tuyến mà Việt Nam đã vạch ra ở vòng 1, đồng thời không đưa ra một giải pháp cụ thể nào. Quan điểm của Việt Nam trong đàm phán phân định biển với Campuchia là vẫn kiên trì giải thích rõ hơn về tính hợp lý và hy vọng đi tới một biện pháp phân định công bằng cho cả hai bên. Tuy nhiên, từ năm 1999 đến nay, Campuchia vẫn chưa có một hành động cụ thể, hay động thái tích cực nào trong đàm phán với Việt Nam để đi tới kết quả phân định biên giới trên biển giữa hai nước một cách công bằng.

Trong thời gian tới, hướng xử lý tốt nhất trong quan hệ biên giới biển với Campuchia vẫn là đẩy mạnh hợp tác vì nguồn lợi kinh tế, cùng khai thác và quản lý tài nguyên trong vùng biển chồng lấn. Việt Nam có thể chủ động trong việc nêu ra các sáng kiến hợp tác với Campuchia, đặc biệt là trong lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu hỏa, khoáng sản. Sự gắn kết về lợi ích kinh tế sẽ tạo ra môi trường thuận lợi hơn để nghiên cứu một phương án phân định công bằng, hợp lý hơn cho cả hai phía.

3.4. Phân định biển giữa Việt Nam và Indonesia

Indonesia là quốc gia láng giềng có quy chế quốc gia quần đảo nằm ở tương đối xa Việt Nam. Giữa hai quốc gia có vấn đề vạch ranh giới chung vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa. Việt Nam và Indonesia có vùng biển và thềm lục địa chồng lấn nằm ở phía Đông Nam Việt Nam và Tây Bắc đảo lớn Borneo của Indonesia. Trong khu vực này, đảo xa bờ nhất của Việt Nam là Côn Đảo, cách bờ biển khoảng 90 km. Indonesia là quốc gia quần đảo với hơn 17.000 hòn đảo lớn, nhỏ nằm rải rác trên một vùng biển rộng lớn. Đảo xa bờ nhất của Indonesia trong khu vực đối diện với Việt Nam là đảo Natuna Bắc, cách đảo lớn Borneo của Indônêxia khoảng 320 km về hướng Tây Bắc (Tống Thị Phương Thảo, 2022).

Bờ biển lục địa Việt Nam và bờ biển Kalimantan, Indonesia cách nhau khoảng 474 hải lý, khoảng cách gần nhất giữa các đảo của hai bên là 246 hải lý (Tài liệu tuyên truyền pháp luật về biển - đảo, 2014). Gần đảo Natuna Bắc của Indonesia có một rãnh sâu khoảng 80 đến 100m. Căn cứ vào các quy định của UNCLOS 1982 về việc xác định phạm vi vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, hai nước có một vùng biển, thềm lục địa chồng lấn cần phân định.

Do quan điểm sử dụng nguyên tắc phân định biển và điểm cơ sở để tính chiều rộng lãnh hải khác nhau, nên giữa Indonesia và Việt Nam có một vùng biển chồng lấn rộng lớn. Chính vì vậy, từ năm 1978 đến năm 2003, hai nước Việt Nam và Indonesia đã tiến hành đàm phán cấp chuyên viên để phân định thềm lục địa trong vùng biển giáp ranh giữa hai nước.

Ngày 11/6/2003, Hiệp định phân định thềm lục địa Việt Nam - Indonesia được ký kết và hai bên tiếp tục duy trì môi trường hòa bình, ổn định trên biển, là cơ sở để tăng cường hợp tác cùng phát triển giữa hai nước đi vào chiều sâu, thiết thực, góp phần gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định ở khu vực Biển Đông. Hiệp định có hiệu lực từ 29/5/2006. Hiệp định Phân định biển Việt Nam và Indonesia cũng là trường hợp duy nhất mà phương pháp đường trung tuyến có điều chỉnh không được áp dụng trực tiếp. Tuy nhiên, kết quả phân định hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu của nguyên tắc thỏa thuận và công bằng của UNCLOS 1982. Hiệp định gồm có 6 điều chứa đựng nội dung liên quan đến vị trí đường phân định, tính chất của đường phân định, về bảo vệ môi trường biển, về cách thức xử lý các cấu tạo mỏ dầu khí hoặc mỏ khoáng sản nằm vắt ngang qua đường phân định, cách thức giải quyết hòa bình tranh chấp thông qua hiệp thương hoặc đàm phán. Như vậy, từ năm 2007 đến nay là giai đoạn mà Việt Nam và Indonesia khẳng định cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Hiệp định, các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và UNCLOS 1982.

Tuy vậy, đàm phán về ranh giới biển giữa hai nước vẫn chưa kết thúc, bởi vì vùng đặc quyền kinh tế chồng lấn giữa hai nước vẫn chưa được phân định. Từ khi hai nước ký kết Hiệp định phân định thêm lục địa, ngư dân của hai nước đã có một hành lang pháp lý rõ ràng, do đó trong quá trình khai thác hải sản trên vùng biển giáp ranh ít xảy ra vi phạm. Đồng thời hai bên cũng tiếp tục đàm phán để phân định vùng đặc quyền kinh tế dựa trên luật pháp quốc tế, Luật Biển quốc tế và quy định của UNCLOS 1982.

Riêng đối với Việt Nam, ngoài ý nghĩa đã ký được với Indonesia, bản hiệp định phân định ranh giới thêm lục địa trên biển giữa hai nước còn có một ý nghĩa khác, đó là Việt Nam có thêm cơ sở, tạo hậu thuẫn thuận lợi trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo. Năm 2022, trong chuyến thăm Indonesia, Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc và Tổng thống Joko Widodo thông báo Việt Nam và Indonesia đã hoàn tất đàm phán phân định Vùng đặc quyền kinh tế phù hợp với luật pháp quốc tế, Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982 (Nguyễn Thanh Minh, 2023).

3.5. Phân định biển giữa Việt Nam và Malaysia

Việt Nam và Malaysia tồn tại một vùng biển chồng lấn trên thêm lục địa của hai nước rộng khoảng 2.800 km². Khu vực này nằm ở cửa vịnh Thái Lan có độ sâu nhỏ, trung bình khoảng 50 m, địa hình đáy biển tương đối bằng phẳng (Hoàng Yên - Thu Hằng, 2020).

Việt Nam và Malaysia đều là thành viên của UNCLOS 1982, cho nên nguyên tắc chung để giải quyết phân định thêm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế là nguyên tắc công bằng đã được ghi nhận trong các Điều 74 và Điều 83 của UNCLOS 1982. Yêu cầu của thực tế diễn ra đó là hai bên phải tuân tự đàm phán, thu hẹp những bất đồng, mâu thuẫn, nhằm tìm ra giải pháp công bằng mà hai bên có thể chấp nhận.

Đầu năm 1992, trong chuyến thăm Kuala Lumpur của Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt, một thoả thuận về tiến hành đàm phán phân định thêm lục địa giữa hai nước đã được thông qua (Nguyễn Thanh Minh, 2022).

Tiếp sau đó, từ ngày 03-05/6/1992, tại Kuala Lumpur, vòng đàm phán đầu tiên giữa hai nước Việt Nam và Malaysia đã diễn ra và thành công tốt đẹp. Trên cơ sở nội dung của vòng đàm phán đầu tiên đó, hai nước đã từng bước nhất trí thỏa thuận áp dụng nguyên tắc dàn xếp tạm thời được quy định trong Điều 74 và Điều 83 của UNCLOS 1982, đó là ranh giới được vạch ra và ghi rõ trên hải đồ có tỷ lệ thích hợp để xác định vị trí của nó, có trường hợp việc vẽ ranh giới ngoài hay các đường hoạch định này có thể được thay thế bằng các bản kê các tọa độ địa lý các điểm. Trên cơ sở đó hai bên nhanh chóng đi đến thỏa thuận áp dụng mô hình khai thác chung cho vùng xác định trên tinh thần hiểu biết và hợp tác.

Dựa trên tinh thần đó, ngày 05/6/1992, hai nước đã chính thức ký Bản ghi nhớ. Nội dung của Bản ghi nhớ đã quy định phạm vi vùng xác định, và hai bên phải cử đại diện của mình để tiến hành các hoạt động thăm dò và khai thác trong vùng xác định và sự hợp tác khai thác đó không làm phương hại đến kết quả hoạch định phân định biển cuối cùng giữa hai nước.

Qua việc ký kết Bản ghi nhớ ngày 05/6/1992, có thể thấy Việt Nam luôn là nước đi đầu trong việc áp dụng các quy định của các Điều 74 và Điều 83 của UNCLOS 1982, không chỉ trong phân định biển mà cả trong các biện pháp khai thác chung nguồn tài nguyên biển trong vùng biển có sự chồng lấn. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, Bản ghi nhớ cũng không thể giải quyết triệt để được vấn đề phân định biển giữa hai nước Việt Nam và Malaysia. Thực tế cho thấy, hai bên cần phải tiếp tục đàm phán hòa bình và dựa trên nội dung của UNCLOS 1982 và Bản ghi nhớ để phân định thêm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế.

Do khoảng cách giữa bờ biển và các đảo của hai bên chưa tới 400 hải lý, nằm trên một thềm lục địa thuận nhất và hơn nữa yêu sách của hai bên đều dựa trên đường trung tuyến, tức là dựa trên tiêu chuẩn khoảng cách bờ biển của hai quốc gia, cho nên có thể sử dụng một đường phân định đơn nhất làm ranh giới cho cả vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của hai nước.

Hợp tác phân định biển giữa Việt Nam và Malaysia đã đóng góp vào kinh nghiệm thực tiễn của thế giới và khu vực về giải quyết những bất đồng và tranh chấp trên biển. Từ năm 2009 đến nay, hai bên tiếp tục duy trì hòa bình, ổn định trên biển, góp phần gìn giữ mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp giữa hai nước, đồng thời góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định trên vùng biển tiếp giáp nhau, làm cơ sở để hai bên hợp tác cùng phát triển kinh tế.

3.6. Phân định biển giữa Việt Nam và Philippines

Philippin vốn là nước không có quyền gì đối với quần đảo Trường Sa vì Hiệp định Paris năm 1898 giữa Mỹ và Tây Ban Nha theo đó Tây Ban Nha giao Philippin cho Mỹ, đã xác định phạm vi quần đảo Philippin trên bản đồ kèm theo Hiệp định, theo bản đồ đó nước Philippin không bao gồm 1 đảo nào của quần đảo Trường Sa (Lê Minh Trường, 2022).

Năm 1971 đến năm 1973 Philippines đã đưa quân chiếm trái phép một số đảo ở phía Bắc và phía Đông Bắc của quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam là: Vĩnh Viễn, Bình Nguyên, Loại Ta, Thị Tứ và Song Tử Đông.

Đến tháng 02/1979, Philippines đã chính thức đưa ra yêu sách chủ quyền đối với số đảo nêu trên nằm trong quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam, Philippines gọi là nhóm đảo, chính vì vậy càng làm cho tình hình Biển Đông trở nên căng thẳng và phức tạp hơn trước. Để giảm bớt tình hình căng thẳng giữa hai nước, ngày 07/11/1995, hai Bộ Ngoại giao Việt Nam và Philippines đã bắt đầu tiến hành đàm phán.

Kết quả đàm phán đã đạt được những nội dung chính:

- Hai bên đồng ý thông qua thương lượng, hòa bình tìm kiếm các giải pháp cơ bản cho vấn đề tranh chấp chủ quyền trên quần đảo Trường Sa. Là thành viên của UNCLOS 1982, cho nên hai nước luôn tôn trọng và ứng xử theo quy định của UNCLOS 1982 để giải quyết tranh chấp chủ quyền về biển, đảo ở khu vực.

- Tuân thủ nguyên tắc cấm sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế, hai bên tự kiềm chế không sử dụng hay đe dọa sử dụng vũ lực, thúc đẩy hợp tác song phương hoặc đa phương về bảo vệ và gìn giữ môi trường biển, nghiên cứu khoa học, khí tượng, chống thảm họa, tìm kiếm cứu nạn và cứu hộ, chống cướp biển và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, bảo vệ tài nguyên biển ở khu vực quần đảo Trường Sa.

- Bảo đảm tự do hàng hải theo thực tiễn của luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS 1982.

Có thể thấy rằng, trong những năm qua hai bên đã thể hiện được quan điểm hòa bình giải quyết các bất đồng về chủ quyền trên biển liên quan đến hai nước trên cơ sở nguyên tắc cơ bản của Luật Quốc tế. Những thỏa thuận đó, đã góp phần giải quyết tranh chấp chủ quyền biển đảo giữa hai nước trên tinh thần hữu nghị, tin cậy lẫn nhau. Đây là cơ sở thuận lợi cho vấn đề phân định biên giới trên biển giữa hai nước trong các giai đoạn tiếp theo.

4. Bài học kinh nghiệm trong quá trình phân định biển giữa Việt Nam với các quốc gia hữu quan trong khu vực

Quá trình phân định biển giữa Việt Nam với các quốc gia hữu quan về cơ bản đã đạt được những thành tựu quan trọng, đó là trong quá trình phân định biển đã có sự thống nhất chung,

dựa trên nguyên tắc công bằng, tôn trọng độc lập chủ quyền và trên cơ sở luật pháp quốc tế, có tính đến đảm bảo lợi ích của các bên. Đồng thời, Việt Nam cũng linh hoạt và sáng tạo đưa ra những giải pháp đa dạng để giải quyết, xử lý các vùng biển chồng lấn góp phần khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, đồng thời tạo thuận lợi cho việc quản lý, khai thác các vùng biển và thúc đẩy hợp tác với các nước láng giềng. Qua quá trình này, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

Một là, trong quá trình phân định biển với các quốc gia ở khu vực Biển Đông có vùng biển liền kề hoặc đối diện, Việt Nam luôn thực hiện theo đúng các cam kết quốc tế, dựa trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Luật Quốc tế được ghi nhận trong Tuyên bố về các nguyên tắc cơ bản của Luật Quốc tế ngày 24/10/1970 của Đại Hội đồng Liên Hợp quốc, đặc biệt là những quy định của Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS 1982) và Tuyên bố ứng xử Biển Đông (DOC), đồng thời áp dụng những thực tiễn kinh nghiệm quốc tế về phân định biển.

Hai là, Đảng và Nhà nước ta vận dụng linh hoạt, sáng tạo chủ trương và đường lối bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ và đường lối đối ngoại độc lập, bình đẳng, hòa bình và hợp tác phát triển trong việc phân định biển. Thực tế minh chứng, Việt Nam đạt được những kết quả trên là do đã có những quyết sách đúng đắn, sự chỉ đạo, định hướng sát sao của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, lãnh đạo cấp cao, nhằm bảo đảm đàm phán đi đúng hướng mục tiêu, yêu cầu chính trị chiến lược của đất nước về lâu dài cũng như cho từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

Ba là, trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của Luật Quốc tế, mọi biện pháp được tiến hành thông qua thương lượng, đàm phán hòa bình, giải quyết mọi bất đồng trên biển bằng biện pháp hòa bình, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, tạo cơ chế thống nhất trong quá trình giải quyết tranh chấp, đã góp phần giữ vững môi trường biển hòa bình, ổn định trong khu vực và thế giới. Việt Nam đã từng bước đàm phán ký kết những hiệp định phân định biển với các nước xung quanh một cách hòa bình, hữu nghị trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, luật pháp quốc tế và Luật Biển quốc tế.

Bốn là, kiên trì thúc đẩy các điểm tương đồng và thu hẹp những điểm khác biệt về chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán, song kiên quyết đấu tranh, bảo vệ các quyền lợi hợp pháp, chính đáng, phù hợp luật pháp quốc tế trong quá trình phân định biển. Vấn đề Biển Đông luôn là vấn đề nhạy cảm, quá trình phân định biển thường kéo dài với nhiều cuộc đàm phán ở các cấp khác nhau. Vì vậy, trong việc giải quyết phân định với các nước, chúng ta cần tránh tư tưởng nóng vội, muốn đạt kết quả sớm, song cũng không được bỏ qua thời cơ giải quyết vấn đề.

Năm là, tiếp tục vận dụng những kinh nghiệm của một số nước trong việc phân định biển, tuy nhiên phải xét đến yếu tố, điều kiện thực tiễn ở Việt Nam cho phù hợp.

5. Kết luận

Trong những năm qua, Việt Nam và các nước hữu quan trong khu vực đã đàm phán, thỏa thuận phân định biển đạt được những thành công nhất định, thể hiện tinh thần hợp tác và sự tuân thủ pháp luật quốc tế để nhằm giải quyết những tranh chấp có thể xảy ra. Tuy nhiên, trong quá trình phân định, chúng ta còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình đàm phán phân định biển giai đoạn tiếp theo do quan điểm chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán, lợi ích quốc gia trên biển của các quốc gia liên quan có sự khác biệt, mặt khác do yếu tố khách quan cho nên công tác phân định biển giữa nước ta với một số quốc gia hữu quan trong khu vực Biển Đông vẫn chưa được hoàn thành và có nhiều vấn đề phải tiếp tục đàm phán bằng biện pháp hòa bình để giải quyết. Việc giải quyết tốt đẹp về việc phân định biển giữa Việt Nam

với các quốc gia liên quan vừa qua là sự quán triệt và thể hiện chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta trong việc giải quyết vấn đề biển với các quốc gia hữu quan, đàm phán giải quyết trên tinh thần tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, phù hợp với pháp luật và thực tiễn quốc tế, phù hợp với hoàn cảnh khách quan nhằm đạt được một giải pháp công bằng các bên đều chấp nhận được.

Tài liệu tham khảo

Hiệp định về phân định ranh giới trên biển giữa Việt Nam và Thái Lan được Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Thái Lan ký ngày 9/8/1997 và chính thức có hiệu lực vào ngày 27/2/1998.

Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Trung Quốc ngày 25/12/2000. Hiệp định phân định thêm lục địa giữa Việt Nam và Indonesia ngày 11/6/2003.

Hiệp ước về nguyên tắc giải quyết vấn đề biên giới giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Campuchia ngày 20/7/1983.

Hoàng Yên - Thu Hằng. (06/7/2020). Phân định ranh giới biển Việt Nam với các nước khu vực Biển Đông. Tạp chí *Thủy sản Việt Nam*. <http://thuysanvietnam.com.vn>.

Lê Minh Trường. (24/03/2022). Vấn đề phân định biển và tranh chấp tại Biển Đông mà Việt Nam phải đối diện. <http://luatminhkhue.vn>.

Liên Hợp Quốc. (1982). *Công ước Luật Biển*.

Ngô Hữu Phước. (2020). *Sách chuyên khảo Luật Biển*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Nguyễn Minh Ngọc. (21/02/2010). Quan hệ Việt Nam - Campuchia và vấn đề phân định biên giới biển tại Vịnh Thái Lan. <https://nghienquubiendong.vn/nguyen-minh-ngoc-quan-he-viet-nam-campuchia-va-van-de-phan-dinh-bien-gioi-bien-tai-vinh-thai-lan.43945.aneews>.

Nguyễn Thanh Minh. (16/11/2022). Quá trình phân định biển giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực Biển Đông. Tạp chí *Diễn đàn doanh nghiệp*.

Nguyễn Thanh Minh. (26/12/2023). Quan điểm giải quyết vấn đề phân định biển của Việt Nam. *Trang thông tin điện tử của khối đảng bộ các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Lai Châu*.

NT Theo tài liệu tuyên truyền pháp luật về biển - đảo. (21/10/2014). Hiệp định phân định ranh giới thêm lục địa giữa Việt Nam - Indonesia. <http://www.camau.gov.vn>.

NT Theo tài liệu tuyên truyền pháp luật về biển - đảo. (10/4/2024). Hiệp định phân định ranh giới biển giữa Việt Nam và Thái Lan. <https://www.camau.gov.vn/wps/portal/?1dmy&page=trangchitiet&urile=wcm%3Apath%3A/camaulibrary/camaufsite/gioithieu/chuyende/biendaoquehuong/tulieu/vanban/dsgsdgsgdsgdsgdsg>

Phạm Thị Hồng Phượng. (2006). Lịch sử vùng biển Việt Nam - Campuchia. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*. Số 4 (29).

Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, bộ phận của lãnh thổ Việt Nam. (1982). Nxb. Sự thật.

baoquocte.vn. (03/12/2021). Quá trình phân định trong Vịnh Bắc Bộ. <https://mic.gov.vn/mra/Pages/TinTuc/151025/Qua-trinh-phan-dinh-bien-trong-Vinh-Bac-Bo.html>

Thỏa thuận hợp tác khai thác chung vùng chồng lấn (MOU) giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Malaysia ngày 05/6/1992.

Tổng Thị Phương Thảo. Phân định biển trong luật biển quốc tế và thực tiễn phân định biển giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực. <https://dangbo.tnut.edu.vn/tin-tuc/2022-08-05/phan-dinh-bien-trong-luat-bien-quoc-te-va-thuc-tien-phan-dinh-bien-giua-viet-nam-voi-cac-quoc-gia-trong-khu-vuc-dt1312.html>

Trung Anh. (25/08/2011). Hiệp định về phân định ranh giới vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa giữa Việt Nam và Thái Lan. *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*.

Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. (2013). *Giáo trình Công pháp quốc tế*. Quyển 1. Nxb. Hồng Đức.